

Bản án số: 12 /2022/HS - ST

Ngày 19/4/2022

V/v: NVL hiếp dâm”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TO, THÀNH PHỐ HN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông NGUYỄN VĂN AN

Các hội thẩm nhân dân: Ông LHT;

Bà NTMH;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông LVC – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TO.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO tham gia phiên tòa:

Bà NTBN – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện TO, Thành phố HN, Tòa án nhân dân huyện TO tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 05/2022/TLST- HS ngày 15 tháng 02 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST - QĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 đối với:

Bị cáo: Họ và tên: **NVL**, Tên gọi khác: **NGL** sinh năm 1954; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn KT, xã BH, huyện TO, TP. HN. Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: **07/10**. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không. Họ và tên bố: **NVC**, họ và tên mẹ: **NTT** (đều đã chết). Gia đình có 09 anh, chị em ruột, bị cáo là con thứ hai. Họ và tên vợ: **LTT**, sinh năm 1959. Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1989. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/11/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố HN. Có mặt.

Người bị hại: Chị **NTB**, sinh năm 1985. Có mặt

Người đại diện cho người bị hại: Bà **PTT**, sinh năm 1961(mẹ đẻ bị hại). Địa chỉ: Thôn KT, xã BH, huyện TO, Tp.HN, Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị hại bà **ĐTTH** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố HN. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Ông **NVD**, bà **PTT**, luật sư công ty Luật TĐ và cộng sự, đoàn Luật sư Thành phố HN, Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng tháng 9 năm 2020 (không rõ ngày cụ thể), NVL đi từ nhà ra đường thôn KT thì gặp chị NTB sinh năm 1985 ở cùng thôn. L rủ chị B đi về nhà L chơi, hai người ngồi ở phòng khách khoảng 05 phút thì L bảo chị B vào nằm trên giường ở trong buồng. Tại đây L cởi quần áo của chị B và của mình đang mặc rồi đưa dương vật của mình vào âm hộ của chị B thực hiện hành vi giao cấu khoảng 05 - 10 phút, sau đó chị B mặc quần áo rồi đi về nhà. Sau lần quan hệ tình dục đó, L tiếp tục rủ chị B sang nhà mình để thực hiện hành vi giao cấu thêm khoảng 12 (mười hai) lần, mỗi lần giao cấu khoảng 05 - 10 phút, trong đó có lần L xuất tinh vào trong âm đạo của chị B. Các lần L giao cấu với chị B cách nhau khoảng 01 (một) tuần và cùng vào khoảng thời gian từ 08 giờ đến 09 giờ tại giường ngủ nhà L.

Đến khoảng tháng 01 năm 2021, mẹ đẻ của chị B là bà PTT phát hiện chị B có biểu hiện bất thường nên đưa đi khám, kết quả chị B có thai. Bà T hỏi B thì B cho biết đã quan hệ tình dục nhiều lần với NVL ở cùng thôn. Ngày 19/01/2021 bà T mời NVL và LTT, sinh năm 1959 (vợ L) ở cùng thôn đến nhà để giải quyết vụ việc, có sự chứng kiến của các ông, bà NTT, sinh năm 1964, NVN, sinh năm 1967, NVT, sinh năm 1971, PT S, sinh năm 1966, cùng trú tại thôn G, xã BH, huyện TO, thành phố HN, NTL, sinh năm 1982, trú tại thôn G, xã BH, huyện TO, thành phố HN. Tại nhà bà T, L thừa nhận quan hệ tình dục nhiều lần với chị B ở nhà L và L đồng ý bồi thường cho chị B số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) theo yêu cầu của gia đình bà T. Lúc này, gia đình bà T yêu cầu L viết “giấy nhận tội, tội hiếp dâm” theo nội dung bà NTT đọc cho L, viết giấy xong thì L đưa cho bà T giữ rồi vợ chồng L đi về. Khoảng 02 (hai) ngày sau, con gái L là chị NTTt, sinh năm 1982, trú tại thôn KT, xã BH đi cùng bà T đến nhà bà T để xem lại nội dung “giấy nhận tội, tội hiếp dâm” mà L viết trước đó. Sau khi xem xong T cho rằng việc L viết giấy nhận tội là không đúng vì chị B tự nguyện quan hệ tình dục với L nên chị T đã xé tờ giấy trên rồi cùng bà T đi về. Đến ngày 08/7/2021 chị B sinh con gái tại Bệnh viện đa khoa HĐ.

Vật chứng tài liệu thu giữ:

- 03 tấm bông chứa dịch âm đạo của chị NTB.
- 10 sợi tóc của chị NTB.
- 10 sợi tóc của NVL.
- 10 tấm bông chứa dịch niêm mạc miệng và 01 cuống rốn của cháu bé do chị NTB sinh ra vào ngày 08/7/2021 tại Bệnh viện đa khoa HĐ.

*** Tại bản Kết luận giám định pháp y tình dục số 1362/C09-TT1 ngày 02/3/2021 của Viện khoa học hình sự - BCA, kết luận:**

Tình trạng bộ phận sinh dục của chị NTB: màng trinh rách cũ không hoàn toàn tại vị trí 4 giờ, các phần khác không tổn thương.

Các vùng khác trên cơ thể chị NTB không có dấu vết tổn thương.

Hiện tại chị NTB đang có thai. Thai khoảng 18 tuần đến 20 tuần tuổi.

*** Tại bản Kết luận giám định số: 1432/C09-TT3 ngày 31/3/2021 của Viện Khoa học hình sự - BCA, kết luận:**

Trong mẫu ghi thu dịch âm đạo của chị NTB không phát hiện thấy tinh trùng người.

Lưu kiểu gen (ADN) của ông NVL và chị NTB tại Viện Khoa học hình sự - BCA. (Đã sử dụng hết mẫu vật cho giám định).

*** Tại bản Kết luận giám định số 171/KLGĐ ngày 10/6/2021 của Viện Pháp y tâm thần TW kết luận như sau:**

Trước, trong, sau khi bị hiếp dâm và tại thời điểm giám định bị hại NTB bị chậm phát triển tâm thần vừa. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F71.

Tại các thời điểm trên NTB hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

*** Tại bản kết luận giám định số 6327/C09-TT3 ngày 31/8/2021 của Viện khoa học hình sự - BCA kết luận:**

NVL và chị NTB có quan hệ huyết thống cha đẻ, mẹ đẻ - con đẻ với cháu bé (do chị B sinh ra vào ngày 08/7/2021 tại bệnh viện đa khoa HĐ).

Lưu kiểu gen (ADN) của cháu bé (do chị B sinh ra vào ngày 08/7/2021 tại Bệnh viện đa khoa Hà Đông) tại Viện khoa học hình sự - Bộ Công an.

Về trách nhiệm dân sự: Bà PTT yêu cầu L phải bồi thường cho B số tiền là 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng) để nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu K đến đủ 18 tuổi. NVL hiện chưa bồi thường cho chị B khoản tiền nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO, Thành phố HN thực hiện quyền công tố, luận tội, giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng truy tố số: 04 /CT – VKS ngày 11/02/2022.

Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm d, g khoản 2 Điều 141 điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị tuyên phạt: NVL mức án tù: 07(bảy) năm tù đến 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng (bảy năm sáu tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam về tội: Hiếp dâm.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Buộc bị cáo phải bồi thường tổn thất tinh thần cho người bị hại từ 9.000.000(chín triệu) đồng đến 10.000.000(mười triệu) đồng và buộc bị cáo có nghĩa vụ trợ cấp nuôi cháu K là con đẻ của bị cáo với chị NTB từ 800.000 (tám trăm) nghìn đến 1.000.000(một triệu) đồng/ tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

- **Vật chứng của vụ án:** Đề nghị tịch thu tiêu hủy theo quy định.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo bởi bị cáo tại phiên tòa ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại, nhân thân bị cáo là người đã có nhiều thành tích xuất sắc trong sản xuất chiến đấu, là người gần 70 tuổi nên đề nghị áp dụng điểm s, b, v khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 50, khoản 1 điều 54 để quyết định một hình phạt dưới

mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và chuyển sang khung hình phạt liên kề nhẹ hơn, chuyển từ khoản 2 điều 141 xuống khoản 1 điều 141 của Bộ luật hình sự để bị cáo sớm trở về gia đình nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, hỏi, tranh luận tại phiên tòa, vụ án được xác định như sau:

[1].Về tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện TO và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TO và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo NVL không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2].Về tội danh và điều luật áp dụng: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là khách quan, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường lời khai người bị hại, bệnh án, các kết luận giám định và các tài liệu khác được thu thập có trong hồ sơ đã được kiểm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ để xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2020 (không rõ ngày, giờ cụ thể), tại nhà ở của NVL ở thôn KT, xã BH, huyện TO, thành phố HN bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với chị NTB. Tại bản Kết luận giám định số 171/KLGD ngày 10/6/2021 của Viện Pháp y tâm thần TW kết luận trước, trong, sau khi bị hiếp dâm và tại thời điểm giám định bị hại NTB bị chậm phát triển tâm thần vừa. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F71. Tại các thời điểm trên NTB hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Đến ngày 08/7/2021 thì chị B sinh một con gái tại Bệnh viện đa khoa HĐ, HN. Tại bản kết luận giám định số 6327/C09-TT3 ngày 31/8/2021 của Viện khoa học hình sự - BCA kết luận NVL và chị NTB có quan hệ huyết thống cha đẻ, mẹ đẻ - con đẻ với cháu bé nên hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Hiếp dâm theo quy định tại điểm d, g khoản 2 điều 141 Bộ luật hình sự năm 2015 Bộ luật hình sự

Bản Cáo trạng số: 04/CT – VKS ngày 11/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TO, Tp. HN đã truy tố bị cáo về tội: “*Hiếp dâm*” theo điểm d, g khoản 2 Điều 141 Bộ luật hình sự năm 2015 (*Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là có căn cứ đúng người, đúng pháp luật.

Điều 141. Tội Hiếp dâm.

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

d) Phạm tội 02 lần trở lên;

g) Làm nạn nhân có thai;

Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án có tính nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi thực hiện là vi phạm pháp luật đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, nhân phẩm người bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội, giữa bị cáo với người bị hại có mối quan hệ họ hàng thường xuyên sinh sống tại địa phương, bị cáo biết rõ hoàn cảnh của người bị hại là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng bị cáo vẫn nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu dẫn đến người bị hại có thai và sinh con. Vì vậy, cần có một mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX điểm s, b,v khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 50, khoản 1 điều 54 để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và chuyển sang khung hình phạt liền kề nhẹ hơn, chuyển từ khoản 2 điều 141 xuống khoản 1 điều 141 của Bộ luật hình sự để bị cáo sớm trở về xã hội và nuôi con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại đề nghị HĐXX xem xét đến hành vi phạm tội của bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với người bị hại là người bị hạn chế khả năng nhận thức và hành vi dẫn đến có thai và sinh con, nên cần phải xét xử nghiêm để răn đe và phòng ngừa chung, về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại số tiền: 804.476.173 đồng (bao gồm chi phí khám, đi lại, sinh đẻ, bồi dưỡng sau sinh, tiền sữa, tiền mất thu nhập của người trông nom bị hại trong thời gian sinh con, tiền tổn thất tinh thần cho bị hại...)

Đại diện Viện kiểm sát qua phần tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố. Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo gây dư luận xấu, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật và đạo đức xã hội nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[3]. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1]. Tình tiết tăng nặng: Không có

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ:

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức rõ hành vi phạm tội là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm người bị hại, về nhân thân bị cáo chưa tiền án, tiền sự, là người cao tuổi, bản thân là quân nhân xuất ngũ, có nhiều thành tích khi là chi hội trưởng hội cựu chiến binh tại địa phương, sau khi phạm

tội đã được gia đình tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại là số tiền 30 triệu đồng tại chi cục Thi hành án dân sự huyện TO để bồi thường cho người hại. Vì vậy, cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ Luật hình sự thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3.3]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện cho người bị hại bà PTT có quan điểm thay đổi mức bồi thường, đề nghị bị cáo bồi thường tổng số tiền là 804.476.173 đồng, (bao gồm chi phí khám, đi lại, sinh đẻ, bồi dưỡng sau sinh, tiền sữa, tiền mất thu nhập của người trông nom bị hại trong thời gian sinh con, tiền tổn thất tinh thần cho bị hại...)

Ngày 28/3/2022 gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng tại chi cục Thi hành án dân sự huyện TO để bồi thường cho người bị hại.

Tại phiên tòa bà T không xuất trình tài liệu gì về yêu cầu bồi thường thiệt hại đến sức khỏe trong quá trình mang thai, đi lại, khám thai, sinh nở, bồi dưỡng sau sinh và nuôi con của chị B tại Bệnh viện Đa Khoa HĐ cũng như những khoản tiền mất thu nhập của người đi trông nom chị B trong thời gian nêu trên. Xét các yêu cầu của bị hại là thực, có cơ sở nên buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại các khoản sau: Khám thai định kỳ: 3.276.173 đồng; chi phí mổ đẻ: 10.000.000đồng, bồi dưỡng sau sinh, quần áo cho trẻ, tiền sữa là: 20.000.000đồng, tiền mất thu nhập của người trông nom chị B 03 tháng, trước sinh 01 tháng, sau sinh hai tháng = 90 ngày x 200.000đ/ ngày/ người = 18.000.000 đồng. Tổng là : 51.276.173 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến người bị hại là người bị hạn chế khả năng nhận thức dẫn đến mang thai và sinh con nên cần buộc bị cáo phải bồi thường một khoản tiền để bù đắp về tổn thất và tinh thần cho người bị hại theo quy định tại mục 1.5, khoản 1 điều II nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền bằng 20 tháng lương cơ sở x 1.490.000đồng = 29.800.000đồng

Đại diện bị hại yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm đóng góp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi là có cơ sở cần được chấp nhận. Xét thấy mức cấp dưỡng căn cứ vào mức thu nhập, khả năng thực tế của bị cáo và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, mức cấp dưỡng không được thấp hơn 1/2 mức lương cơ sở do nhà nước quy định, tuy nhiên căn cứ chi phí hợp lý cho việc nuôi dưỡng trẻ hiện nay và biên bản xác minh mức thu nhập bình quân đầu người tại địa bàn xã BH trong năm 2021 thì thu nhập bình quân là 54.250.000đồng/người/năm, vì vậy HĐXX chấp nhận và buộc bị cáo có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.500.000đồng/tháng. Như vậy số tiền cấp dưỡng từ khi chị B sinh con cho đến thời điểm xét xử 19/4/2022 là 10 tháng x 1.500.000đồng/tháng = 15.000.000đồng. Ngoài ra hàng tháng bị cáo L phải

có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.500.000đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 01/5/2022 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho người bị hại thông qua người đại diện là 96.076.173 đồng. Xác nhận việc bị cáo đã nộp 30.000.000đồng tại chi cục Thi hành án dân sự huyện TO, bị cáo còn phải bồi thường tiếp 66.076.173đồng.

Đối với việc NVL đã có vợ là LTT nhưng L vẫn quan hệ tình dục với NTB khi B bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Bản thân bà T sau khi biết việc trên vẫn chung sống với L, không vì việc L quan hệ tình dục bất chính với B mà dẫn đến việc ly hôn với L. Do đó, hành vi của NVL, NTB không có dấu hiệu của tội Vi phạm chế độ một vợ, một chồng.

Đối với việc NVL viết giấy nhận tội: Ngày 19/01/2021 L đến nhà bà PTT để thống nhất giải quyết vụ việc, L đã thừa nhận hành vi giao cấu với chị B và thỏa thuận bồi thường 200.000.000 đồng cho chị B. Sau đó L tự viết giấy với nội dung nhận tội nhưng do nội dung không đạt yêu cầu của gia đình chị B nên bà NTT đã đọc và L đã viết “Giấy nhận tội, tội hiếp dâm”. Do đó việc gia đình chị NTB yêu cầu NVL viết giấy nêu trên không có dấu hiệu tội phạm Cường đoạt tài sản.

Đối với NTT: Khi xem lại giấy nhận tội do bố đẻ là NVL viết thì bức xúc, đã xé rách giấy vì nghĩ nội dung NVL viết không đúng sự thật. Chị T không có mục đích khác khi xé bỏ giấy do L viết nên hành vi của T không có dấu hiệu tội phạm.

[5].Về tang vật:

+ Tịch thu tiêu hủy: Mẫu tế bào niêm mạc miệng ghi thu của cháu bé(do chị NTB sinh ra vào ngày 08/7/2021 tại Bệnh viện đa khoa HĐ).

Phần còn lại sau giám định của mẫu cuongs rốn ghi thu của cháu bé (do chị NTB sinh ra vào ngày 08/7/2021 tại Bệnh viện đa khoa HĐ).

[6].Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 2 Luật người cao tuổi của Quốc Hội ngày 23/11/2009 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo L được miễn nộp áp phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[7].Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH;

1. Tuyên bố: Bị cáo NVL, tên gọi khác: NGL, phạm tội: **Hiếp dâm.**

2. Áp dụng: Điểm d, g khoản 2 Điều 141; Điểm b, s khoản 1 khoản 2 điều 51 điều 38 bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: NVL(NGL): **07** (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là ngày 25/11/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 điều 48 Bộ luật hình sự, các điều 584, 585, 590, 592 Bộ luật dân sự, nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật dân sự 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: Buộc bị cáo NVL phải bồi thường thiệt hại và tiền cấp dưỡng nuôi con cho bị hại chị NTB do bà NTT là người đại diện nhận tổng số tiền là: 96.076.173 đồng(*chín mươi sáu triệu, không trăm bảy sáu nghìn, một trăm bảy mươi ba đồng*). Bị cáo đã nộp 30.000.000(*ba mươi triệu*)đồng tại chi cục Thi hành án dân sự huyện TO theo biên lai thu tiền số 0041450 ngày 28/3/2022, bị cáo còn phải bồi thường tiếp 66.076.173 đồng(*sáu mươi sáu triệu, không trăm bảy sáu nghìn, một trăm bảy mươi ba đồng*).

Kể từ ngày 01/5/2022 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, hàng tháng bị cáo NVL có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu K là: 1.500.000(*một triệu năm trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: Mẫu tế bào niêm mạc miệng ghi thu của cháu bé (do chị NTB sinh ra vào ngày 08/7/2021 tại Bệnh viện đa khoa HĐ).

Phần còn lại sau giám định của mẫu cuống rốn ghi thu của cháu bé do chị NTB sinh ra vào ngày 08/7/2021 tại Bệnh viện đa khoa HĐ.

Được thể hiện tại Biên bản giao nhận đồ vật, vật chứng ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO với Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện TO.

4. Án phí và quyền kháng cáo của bị cáo: Áp dụng các điều 136.331.333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 2 Luật người cao tuổi của Quốc Hội ngày 23/11/2009 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự và án phí cấp dưỡng nuôi con đối với bị cáo L.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 19/4/2022.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HN;
- Sở Tư pháp HN;
- VKSND Huyện TO;
- Công an Huyện TO;
- UBND xã BH;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người bào chữa; trợ giúp viên pháp lý.
- Lưu Hồ Sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN VĂN AN

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA